

Số: 215/2018/QĐST-HNGĐ

Thọ Xuân, ngày 01 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Minh Tiến

Thư ký phiên họp: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên họp: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 200A/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Lê Hữu T, sinh năm 1957, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị T, sinh năm 1994; vắng mặt.
2. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1956; vắng mặt.
3. Ông Lê Đôn C, sinh năm 1973; vắng mặt.
4. Bà Lê Thị K, sinh năm 1972; có mặt.

Đều có địa chỉ: thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai và tại phiên họp hôm nay, người yêu cầu là ông Lê Hữu T trình bày: Ông T và bà Lê Thị Đ kết hôn từ năm 1978 và đã có ba con chung. Năm 2005 vợ chồng em ruột là Lê Thị K và chồng Lê Đôn Cg có khó khăn về kinh tế, nên có cho chị Lê Thị T, sinh ngày 28/9/1994

sang làm con nuôi của vợ chồng ông T. Gia đình đã làm đầy đủ hồ sơ nhận nuôi con nuôi theo quy định và đến ngày 26/8/2005 Ủy ban nhân dân xã B, huyện T đã ra Quyết định công nhận nuôi con nuôi đối với chị T cho vợ chồng ông T. Sau khi nhận chị T làm con nuôi vợ chồng ông T đã tận tình chăm sóc, nuôi dưỡng. Đến nay chị T đã trưởng thành, có công việc ổn định và có nguyện vọng xin được về ở với bố mẹ đẻ để có điều kiện chăm sóc và nuôi đỡ các em đang còn đi học; vợ chồng ông đồng ý với nguyện vọng của chị T, nên ông làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với chị Lê Thị T.

Tại bản tự khai ngày 17/9/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị T trình bày: Năm 2005 chị có được bố mẹ đẻ là ông Lê Đôn C và bà Lê Thị K cho sang làm con nuôi của hai bác ruột là ông Lê Hữu T và bà Lê Thị Đ. Việc nhận nuôi con nuôi có làm hồ sơ theo quy định và được Ủy ban nhân dân xã B công nhận. Sau khi được nhận làm con nuôi, bố mẹ nuôi đã chăm sóc, nuôi dưỡng chị T chu đáo. Nay chị T đã trưởng thành có công việc và thu nhập ổn định; do điều kiện bố mẹ đẻ đang còn khó khăn, các em đang còn đi học nên chị T có nguyện vọng xin được về ở với bố mẹ đẻ để có điều kiện chăm sóc, hỗ trợ bố mẹ đẻ nuôi các em đi học. Nay bố mẹ nuôi là ông T và bà Đ làm đơn đề nghị chấm dứt việc nuôi con nuôi là theo nguyện vọng của chị T và được bố mẹ nuôi đồng ý, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa bố mẹ nuôi là ông T, bà Đ với chị T.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Đ, ông Lê Đôn C và bà Lê Thị K có lời khai trình bày nội dung thống nhất như lời khai của ông Lê Hữu T và chị Lê Thị T; bà Đ, ông C và bà K đều đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông T và bà Đ đối với chị Lê Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án áp dụng: khoản 5 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 10; khoản 1 Điều 25, Điều 26, Điều 27 Luật nuôi con nuôi năm 2010; Điều 78 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hữu T, chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông Lê Hữu T và bà Lê Thị Đ đối với chị Lê Thị T.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lê Hữu T phải chịu trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị T, bà Lê Thị Đ và ông Lê Đôn C vắng mặt tại phiên họp, nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp vắng mặt chị T, bà Đ và ông C.

[2] Về nội dung yêu cầu: Năm 2005 ông Lê Hữu T và bà Lê Thị Đ nhận nuôi chị Lê Thị T là con đẻ của ông Lê Đôn C và bà Lê Thị K làm con nuôi, các bên có làm Hồ sơ nhận nuôi con nuôi và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T ra quyết định công nhận việc nuôi con nuôi theo quy định. Quan hệ nuôi con nuôi giữa ông Lê Hữu T và bà Lê Thị Đ với chị Lê Thị T là hợp pháp và các bên đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nay chị T đã trưởng thành và có nguyện vọng về ở với bố mẹ đẻ để có điều kiện chăm sóc và hỗ trợ nuôi các em ăn học, được bố mẹ nuôi là ông T và bà Đ đồng ý, nên ông T làm đơn đề nghị Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với chị Lê Thị T. Xét yêu cầu của ông T thấy rằng chị Lê Thị T đã thành niên và được cha mẹ nuôi là ông Lê Hữu T và bà Lê Thị Đ tự nguyện chấm dứt việc nuôi con nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 78 của Luật hôn nhân và gia đình và Điều 25 của Luật nuôi con nuôi. Do đó cần chấp nhận yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của ông Lê Hữu T và bà Lê Thị Đ đối với chị Lê Thị T.

[3] Về lệ phí: Căn cứ Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Lê Hữu T phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 78 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 25 của Luật nuôi con nuôi; khoản 1 Điều 37 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Lê Hữu T,

Chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông Lê Hữu T và bà Lê Thị Đ với chị Lê Thị T (theo quyết định công nhận nuôi con nuôi số 03-QĐ/UB ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa).

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lê Hữu T phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng, ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0001000 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Ông Lê Hữu T đã nộp đủ.

- Quyền kháng cáo: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo quyết định trong hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết.

- Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã B;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tiến